

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Dự án phát triển đô thị phường Sông Bằng (Khu C)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Xét tờ trình số 1812/TTr-SĐVĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức về việc xin thẩm định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án phát triển đô thị phường Sông Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Cao Bằng tại Báo cáo thẩm định số 2289/SXD-BCTĐ ngày 28/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án phát triển đô thị phường Sông Bằng (Khu C) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án phát triển đô thị phường Sông Bằng (Khu C).
2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức.
3. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Gồm 03 Khu vực như sau:
 - 3.1. *Khu vực 1 - thuộc dự án Phát triển đô thị số 1C:*
 - + Phía Bắc giáp: khu dân cư đường 3/10.
 - + Phía Nam giáp: sông Bằng.
 - + Phía Đông giáp: khu dân cư đường 3/10.
 - + Phía Tây giáp: Trung tâm TDTT và khu dân cư.
 - 3.2. *Khu vực 2 - thuộc dự án Phát triển đô thị số 2C:*
 - + Phía Bắc giáp: khu dân cư.
 - + Phía Nam giáp: khu dân cư đường 3/10.
 - + Phía Đông giáp: khu dân cư và ruộng.
 - + Phía Tây giáp: khu dân cư và ruộng.
 - 3.3. *Khu vực 3 - thuộc dự án Phát triển đô thị số 3C:*
 - + Phía Bắc giáp: Bên nước cùu hỏa và khu dân cư tập thể Điện Lực.
 - + Phía Nam giáp: sông Bằng.
 - + Phía Đông giáp: Trung tâm TDTT và khu dân cư.
 - + Phía Tây giáp: sông Bằng.
4. Quy mô đất đai: Tổng quy mô đất đai khoảng 26 ha.
5. Quy mô dân số: dự kiến khoảng 4.700 người.
6. Tính chất: Là khu ở kết hợp thương mại, dịch vụ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Đáp ứng nhu cầu đất ở, đất thương mại, dịch vụ trên địa bàn; phù hợp với tính chất Khu vực phát triển đô thị phường Sông Bằng.

7. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đưa ra trong đồ án quy hoạch được xác định theo tiêu chuẩn đối với đô thị loại II, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch xây dựng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cao Bằng và tình hình thực tế tại địa phương.

8. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và phân khu chức năng:

8.1. Phân khu chức năng quy hoạch: Cơ cấu chức năng trong các phân khu trong khu vực quy hoạch gồm:

- Phân khu chức năng Nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ (Shop house): Được bố trí tại khu vực tiếp giáp tuyến đường giao thông dọc bờ sông Bằng.

- Phân khu chức năng nhà ở liên kế, nhà biệt thự được bố trí tại các khu vực chính của dự án, kết nối với nhau bằng hệ thống đường giao thông khu vực.

- Phân khu chức năng nhà ở xã hội được bố trí tại một phần diện tích khu vực phát triển đô thị 2C đảm bảo yêu cầu diện tích, phương án kiến trúc cảnh quan và sử dụng đất được cụ thể hóa tại dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo tuân thủ các quy định về Nhà ở xã hội.

- Phân khu chức năng các công trình công cộng, dịch vụ thương mại được bố trí tại lõi các khu chức năng đất ở đảm bảo bán kính phục vụ và kết nối giao thông thuận tiện.

- Các khu chức năng Đất cây xanh, đất hạ tầng kỹ thuật được bố trí xem kẽ giữa các phân khu đất ở liền kề.

- Phân khu chức năng hạ tầng xã hội gồm 01 Nhà trẻ.

8.2. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian các công trình thương mại, dịch vụ: các công trình dịch vụ thương mại, được bố trí chủ yếu tập trung ở lõi giữa dự án tạo thành điểm nhấn phục vụ dân cư trong khu vực.

- Tổ chức không gian khu ở: Các khu nhà ở liên kế kết hợp thương mại dịch vụ (shop house) được bố trí tiếp cận dễ dàng với trục chính và có hướng tầm nhìn mở ra phía mặt thoáng bờ sông, bố trí khoảng lùi lớn phù hợp với hình thức nhà ở kết hợp kinh doanh. Các khu nhà ở tiếp giáp tuyến đường phân khu vực xây dựng theo loại hình nhà ở liên kế, chủ yếu phục vụ nhu cầu ở của dân cư khu vực. Các khu đất xây dựng nhà ở dạng biệt thự được sắp đặt tại nơi có nhiều không gian xanh.

- Tổ chức không gian khu vực đất cây xanh: Tận dụng điều kiện địa hình, khu vực thiết kế có hệ thống không gian mở đa dạng với các khu cây xanh, công viên cây xanh, vườn hoa được bố trí đan xen.

- Tổ chức không gian cảnh quan trên toàn bộ tuyến trong khu vực quy hoạch: Lựa chọn các loại cây có bóng mát kết hợp hoa theo mùa, các loại cây cảnh có giá trị bền, cản chiếu sáng, màu sắc phong phú.

9. Quy hoạch sử dụng đất:

Phân bố các loại đất chính trong khu vực quy hoạch chi tiết được thể hiện trong bảng tổng hợp sử dụng đất sau:

TT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công cộng, thương mại dịch vụ		19.152		-	7,32
1.1	Trung tâm văn hóa, Nhà đa năng	CC1	2.840	50	7	
1.2	Siêu thị	CC2	3.147	50	7	
1.3	Thương mại, dịch vụ tổng hợp	CC3	5.221	50	5	
1.4	Thương mại, văn phòng	CC4	7.944	50	30	
2	Đất nhà trọ		3.461		-	1,32
2.1	Trường Mầm non	MN	3.461	40	3	
3	Đất ở		114.497			43,74
3.1	Nhà liền kề		47.848			
	Nhà liền kề 1	LK1	3.006	80	6	
	Nhà liền kề 2	LK2	3.717	80	6	
	Nhà liền kề 3	LK3	2.363	80	6	
	Nhà liền kề 4	LK4	2.560	80	6	
	Nhà liền kề 5	LK5	4.974	80	6	
	Nhà liền kề 6	LK6	6.040	80	6	
	Nhà liền kề 7	LK7	3.004	80	6	
	Nhà liền kề 8	LK8	3.660	80	6	
	Nhà liền kề 9	LK9	4.784	80	6	
	Nhà liền kề 10	LK10	1.588	80	6	
	Nhà liền kề 11	LK11	4.831	80	6	
	Nhà liền kề 12	LK12	2.998	80	6	
	Nhà liền kề 13	LK13	4.323	80	6	
3.2	Biệt thự		8.220			
	Biệt thự 1	BT1	6.818	50	3	

	<i>Biệt thự 2</i>	<i>BT2</i>	<i>1.402</i>	<i>50</i>	<i>3</i>	
3.3	<i>Shop house</i>		<i>41.128</i>			
	<i>Shop house 1</i>	<i>SH1</i>	<i>4.221</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 2</i>	<i>SH2</i>	<i>5.844</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 3</i>	<i>SH3</i>	<i>2.938</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 4</i>	<i>SH4</i>	<i>502</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 5</i>	<i>SH6</i>	<i>2.504</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 6</i>	<i>SH8</i>	<i>3.934</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 7</i>	<i>SH7</i>	<i>3.003</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 8</i>	<i>SH8</i>	<i>3.555</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 9</i>	<i>SH9</i>	<i>5.474</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 10</i>	<i>SH10</i>	<i>3.954</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
	<i>Shop house 11</i>	<i>SH11</i>	<i>1.857</i>	<i>80</i>	<i>6</i>	
3.4	<i>Nhà ở xã hội</i>		<i>18.995</i>			
	<i>Nhà ở xã hội 1</i>	<i>OXH1</i>	<i>5.945</i>	-	-	
	<i>Nhà ở xã hội 2</i>	<i>OXH2</i>	<i>13.010</i>	-	-	
4	<i>Đất cây xanh</i>		<i>6.928</i>			<i>2,67</i>
4.1	<i>Cây xanh TDTT 1</i>	<i>CX1</i>	<i>2.489</i>	-	-	
4.2	<i>Cây xanh TDTT 2</i>	<i>CX2</i>	<i>501</i>	-	-	
4.3	<i>Cây xanh TDTT 3</i>	<i>CX3</i>	<i>1.030</i>	-	-	
4.4	<i>Cây xanh TDTT 4</i>	<i>CX4</i>	<i>1.376</i>	-	-	
4.5	<i>Cây xanh TDTT 5</i>	<i>CX5</i>	<i>1.542</i>	-	-	
5	<i>Đất giao thông</i>	<i>GT</i>	<i>114.376</i>	-	-	<i>44,95</i>
	<i>Đường giao thông</i>		<i>114.376</i>	-	-	
	<i>Tổng cộng</i>		<i>260.058</i>			<i>100,00</i>

10. Thiết kế đô thị: Đã thực hiện các nội dung về thiết kế đô thị theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 Bộ xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch được phê duyệt.

11. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

11.1. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Kết nối với phường Hợp Giang qua cầu nối phường Sông Bầu - phường Hợp Giang, là trục kết nối chính giữa đô thị phường Hợp Giang và khu phát triển đô thị phường Sông Bầu.

- Kết nối với các khu chức năng khác theo quy hoạch chi tiết phường Sông Bầu thông qua tuyến đường nối dự án với đường 3-10.

b) *Giao thông nội bộ:*

- Mạng lưới đường khu vực dự án bao gồm các tuyến đường chính của khu vực. Các tuyến đường được bố trí nguyên tắc tạo thành mạng lưới hoàn chỉnh, phân cấp rõ ràng tạo điều kiện sử dụng các khu chức năng được hiệu quả và bám sát địa hình tự nhiên.

- Mạng lưới đường được thiết kế trên cơ sở đảm bảo lưu lượng giao thông trong khu vực lập quy hoạch, đồng thời tuân thủ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 phường Sông Bầu đã được phê duyệt, phù hợp khớp nối hạ tầng kỹ thuật trong toàn khu vực.

c) *Quy mô mạng lưới đường:*

- *Mặt cắt 1-1:*

+ Chiều rộng mặt đường:	= 15,0m
+ Chiều rộng vỉa hè:	= 9,0x2 = 18,0m
+ Lộ giới:	= 33,0m.

- *Mặt cắt 2-2:*

+ Chiều rộng mặt đường:	= 8,5m
+ Chiều rộng vỉa hè:	= 3,0 + 5,5 = 8,5m
+ Lộ giới:	= 17,0m.

- *Mặt cắt 3-3:*

+ Chiều rộng mặt đường:	= 8,0m
+ Chiều rộng vỉa hè:	= 3,0x2 = 6,0m
+ Lộ giới:	= 14,0m.

- *Mặt cắt 4-4:*

+ Chiều rộng mặt đường:	= 7,5m
+ Chiều rộng vỉa hè:	= 3,0x2 = 6,0m
+ Lộ giới:	= 13,5m.

- *Mặt cắt 5-5:*

+ Chiều rộng mặt đường:	= 5,5m
+ Chiều rộng vỉa hè:	= 3,0x2 = 6,0m

+ Lộ giới: = 11,5m.

11.2. San nền, thoát nước mưa:

a) Quy hoạch san nền:

- Không chế cao độ nền tại các điểm giao nhau của các tuyến đường, dựa theo cao độ hiện trạng nền của khu dân cư xung quanh và cao độ nền tuyến đường:

+ Cao độ san nền cao nhất là +196,80m.

+ Cao độ san nền thấp nhất từ +185,10m.

- Độ dốc tối thiểu trong các lô đất đảm bảo lớn hơn 0,4%, nước chảy về phía các tuyến đường bao quanh và về phía sông Bằng Giang.

- Xây dựng kè sông, kè đường bao quanh khu đất dự án.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Giải pháp thoát nước mưa:

+ Hệ thống cống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải.

+ Cống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT đường kính D300 - D1500 mm.

+ Giếng thăm được bố trí tại các điểm thay đổi hướng tuyến và thay đổi kích thước cống. Khoảng cách giữa hai giếng thăm từ 30m - 50m.

+ Bề dày lớp đất trên cống tính từ cao độ mặt nền tới đỉnh cống tối thiểu là 0,7m.

- Hướng thoát, các lưu vực chính: toàn khu vực thiết kế chia ra làm 05 lưu vực thoát nước chính

+ Lưu vực 1, 2, 3 (gồm phạm vi Dự án phát triển đô thị số 1C, Dự án phát triển đô thị số 2C và phía Nam dự án Phát triển đô thị số 3C): thoát ra sông Bằng.

+ Lưu vực 4,5 (gồm phạm vi phía Bắc dự án Phát triển đô thị số 3C và khu vực tiếp giáp bến nước cứu hỏa): thoát ra suối Cùn sau đó thoát ra sông Bằng.

11.3. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu: 1.200 m³/ngđ.

- Nguồn cấp nước:

+ Trạm cấp nước Tân An: công suất hiện trạng: 5.000m³/ngđ.

+ Trạm cấp nước sông Bằng: công suất hiện trạng: 5.000m³/ngđ.

Nguồn nước cấp cho khu vực nghiên cứu được lấy từ 01 tuyến ống cấp nước cấp D200mm lấy nước từ trạm cấp nước Tân An và 04 tuyến ống cấp nước cấp D110mm được nối với tuyến D200mm từ đường 3-10.

- Cấp nước sinh hoạt:

+ Mạng lưới cấp nước sinh hoạt đến các công trình được thiết kế theo dạng mạng vòng kết hợp mạng cút, ống nhựa HDPE - PE80 đối với đường kính ống từ D50mm-D110mm.

+ Độ sâu chôn ống cấp nước (tính từ mặt đất đến đỉnh ống) đối với các tuyến ống cấp nước sinh hoạt là 600mm, ống cấp nước cứu hỏa là 700mm.

+ Ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống không nhỏ hơn 0,5m tính từ mặt đất (mặt đường) đến đỉnh ống.

- Cáp nước Chữa cháy:

+ Mạng lưới cấp nước cứu hỏa được thiết kế dưới dạng mạng vòng kết hợp nhánh cút.

+ Các họng cứu hỏa được bố trí trên các đường ống cấp nước D100mm, tại vị trí các đường giao nhau để thuận tiện cho xe vào lấy nước chữa cháy. Họng cứu hỏa được thiết kế nổi, thiết kế các trụ cứu hỏa đặt trên tuyến ống chính dọc trực đường, bán kính phục vụ <150 m và đặt cách mép vỉa hè 1m.

11.4. Cáp điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện trung thế 35 kV lấy từ trạm biến áp 110/35kV thành phố Cao Bằng đi qua khu vực dự án.

- Trạm biến áp: Dự kiến quy hoạch 01 trạm 35/0,4kV với công suất 400 kVA; 02 trạm 35/0,4kV với công suất 560 kVA; 03 trạm 35/0,4kV với công suất 750 kVA.

- Hệ thống đường dây:

+ Đường dây trung thế 35 kV: Cáp đường trung thế sử dụng đường dây đi trên không, cáp điện loại 3XLPE -240mm².

+ Đường dây hạ thế 0,4KV: Hệ thống cáp hạ thế 0,4kV từ các trạm biến áp tới các tủ điện công tơ sử dụng cáp điện 0,6/1kV Cu/XLPE/DSTA/PVC luồn trong ống nhựa HDPE D50-D165 đi ngầm dưới đất, độ sâu chôn ống tối thiểu 0,7m.

- Điện chiếu sáng:

+ Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống cáp điện sinh hoạt và được điều khiển tự động bằng tủ điều khiển. Tủ điều khiển chiếu sáng được lắp đặt gần trạm biến áp cấp nguồn.

+ Cáp điện từ tủ điện chiếu sáng đến các cột đèn dùng cáp loại 0,6/1kV-Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x16mm² được đặt trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE D65/50 và chôn ngầm dưới đất ở độ sâu 0,7m- 1m.

11.5. Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn:

a) Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt, độc lập với hệ thống thoát nước mưa để thu gom nước thải sinh hoạt và sản xuất sau đó chảy về trạm xử lý nước thải của dự án.

- Bố trí 1 trạm xử lý nước thải công suất 950 m³/ngđ.

- Cấu tạo mạng lưới thoát nước thải:

+ Cống tròn thu gom nước thải có đường kính D200-D400 mm

+ Hố ga thăm đặt tại các vị trí tiếp nhận nước thải, thay đổi hướng thoát nước, các tuyến cống bố trí các hố ga thăm với khoảng cách bố trí theo cấu tạo từ 20-30m/ 1 hố ga.

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư, khu công cộng, phải xử lý bằng bể tự hoại xây dựng đúng quy cách trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải.

- Toàn bộ khu vực quy hoạch được chia thành 3 lưu vực thoát nước chính sau đó được dẫn về trạm xử lý tập trung. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

b) *Vệ sinh môi trường*: Trên các tuyến phố và trong khu dân cư đô thị không bố trí các bãi hoặc điểm đổ rác công cộng mà tổ chức thu gom rác theo giờ quy định, thu gom rác theo từng tuyến phố, sau đó rồi dùng xe ôtô chuyên dùng vận chuyển rác đến vị trí khu xử lý chung của thành phố Cao Bằng.

11.6. Thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc của dự án được đấu nối qua hệ thống cáp thông tin liên lạc chung của thành phố Cao Bằng.

- Tổng dung lượng thuê bao: Dự kiến khoảng 820 thuê bao.

- Mạng lưới thông tin: Bố trí các tuyến cáp đi ngầm chạy dọc trên vỉa hè của các tuyến đường. Hệ thống đường ống chờ luồn cáp thông tin và các hố ga kéo cáp đặt ngầm trên vỉa hè theo mép các trục đường.

12. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch đề ra.

- Khi triển khai lập dự án đầu tư, Nhà đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Các phương án bảo vệ môi trường đối với Dự án sẽ được chi tiết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

13. Các nội dung khác: Theo như hồ sơ Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án phát triển đô thị phường Sông Bằng (Khu C) đã được cơ quan chuyên môn phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, trình phê duyệt.

14. Dự toán chi phí lập đồ án Quy hoạch:

- Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch đô thị.

Dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch chi tiết: **1.720.302.000 đồng**

Trong đó:

- Chi phí lập Quy hoạch chi tiết:	655.322.000	đồng
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	63.817.000	đồng
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ:	12.763.000	đồng
- Chi phí thẩm định quy hoạch:	59.488.000	đồng
- Chi phí quản lý lập quy hoạch:	54.845.000	đồng
- Chi phí lấy ý kiến cộng đồng:	11.915.000	đồng
- Chi phí công bố quy hoạch:	17.872.000	đồng
- Chi phí cắm mốc giới thực địa:	32.766.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	81.919.000	đồng
- Chi phí khảo sát địa hình:	729.595.000	đồng

Khi thực hiện thanh quyết toán Chủ đầu tư cần căn cứ khối lượng thực hiện thực tế được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt để làm cơ sở thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn do Chủ đầu tư bố trí thực hiện.

Điều 2. Ban hành kèm quyết định này Quy định quản lý kiến trúc đô thị theo Đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/500 Dự án phát triển đô thị phường Sông Băng (Khu C).

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

- Giao UBND thành phố Cao Bằng chủ trì, phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện. Lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- UBND thành phố Cao Bằng có trách nhiệm kiểm tra, quản lý, giám sát xây dựng theo quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

- Khi triển khai dự án, Nhà đầu tư có trách nhiệm: tổ chức lập nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và triển khai cắm mốc giới đồ án Quy hoạch chi tiết ngoài thực địa theo các quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các chủ đầu tư triển khai các dự án lân cận trong

quá trình thực hiện quy hoạch, đảm bảo khớp nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật chung khu vực.

- Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm giám sát, phối hợp với Nhà đầu tư thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND Thành phố; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP, CV: XD, ND, GT;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh